

Số: 364/TM-BVLH
V/v báo giá Danh mục mua sắm vật tư y
tế sử dụng năm 2026

Lộc Hà, ngày 04 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng cấu hình, tính năng kỹ thuật, giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế sử dụng năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA LỘC HÀ**

Địa chỉ: Thôn Khánh Yên - Xã Lộc Hà - Tỉnh Hà Tĩnh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Hồ Thị Cúc – Trưởng khoa Dược – Thiết bị - Vật tư y tế;

SĐT: 0916915072; Email: hocuc1301@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Qua mail và gửi về địa chỉ: Khoa Dược – Thiết bị - Vật tư y tế – Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà – Thôn Khánh Yên - Xã Lộc Hà - Tỉnh Hà Tĩnh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h00 ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 18 tháng 11 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mua sắm vật tư y tế sử dụng năm 2026 (có Phụ lục Danh mục yêu cầu kèm theo)

- Địa điểm bàn giao, nghiệm thu tại kho của Bệnh viện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website đơn vị;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Dương Hùng Anh

Mẫu báo giá BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....., chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các danh mục mua sắm vật tư y tế sử dụng năm 2026 như sau:

1. Báo giá cho vật tư y tế:

STT	Tên vật tư y tế	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Vật tư y tế A									
n	.									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

PHỤ LỤC: Danh mục Vật tư y tế yêu cầu báo giá
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 364/TM-BVLH ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà)

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
Phần 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương				
1	Bông thấm nước y tế	Kg	150	Chất liệu 100% bông xơ tự nhiên, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi, không lẫn tạp chất Tốc độ hút nước: thời gian chìm ≤ 5 giây. Độ ẩm ≤ 8%. Trung tính. Bông dạng dài, xếp thành hình trụ. Đóng gói 1 kg/túi.
2	Cồn 70 độ	Lít	900	Thành phần: Ethanol 70 %, không màu, mùi đặc trưng.
3	Cồn 90 độ	Lít	600	Thành phần: Ethanol 90 %, không màu, mùi đặc trưng.
4	Dung dịch khử khuẩn có hoạt tính enzyme	Lít	20	Thành phần chính: - Tổ hợp 5 Enzyme (amylase, protease, lipase, cellulase và mannanase). - pH trung tính - Chất hoạt động bề mặt: <15% w/w. Dễ dàng tương thích với nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2015; ISO 9001:2015
5	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Lít	250	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn: EN 14561 Nấm, mốc: EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Virus: EN 17111 Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.
6	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chai	20	Hoạt chất tối thiểu: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Chai 500 ml
Phần 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương				
7	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Cuộn	1.500	Kích thước 10cm x 270cm
8	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Cuộn	1.000	Kích thước 15cm x 270cm
9	Bột bó sợi thủy tinh 7.5cm x 3.6m	Cuộn	200	Làm từ sợi thủy tinh hoặc sợi Polyester và nhựa polyurethane hoạt tính bằng nước; thời gian đông kết 3 - 5 phút. Đông kết hoàn toàn khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 7.5 cm, dài 3.6 m
10	Bột bó sợi thủy tinh 12.5cm x 3.6m	Cuộn	100	Làm từ sợi thủy tinh hoặc sợi Polyester và nhựa polyurethane hoạt tính bằng nước; thời gian đông kết 3 - 5 phút. Đông kết hoàn toàn khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 12.5 cm, dài 3.6 m
11	Bông lót bó bột 20cm x 3,65m	Cuộn	500	Chất liệu: bông 100% Polyester. Kích thước 20cm x 365cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP, FDA
12	Bông lót bó bột 10cm x 3,65m	Cuộn	2.000	Chất liệu: bông 100% Polyester. Kích thước 10cm x 365cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP, FDA
13	Tất lót bó bột	Cuộn	100	Tất lót không thấm nước. Kích thước: ≥10cm x 10m.
14	Bông gạc đắp vết thương vô trùng 8 x 20cm	Cái	500	Kích thước 8*20 cm, vô trùng
15	Bông gạc đắp vết thương vô trùng 6 x 15cm	Cái	500	Sợi bông Cotton 100%, hút nước Kích thước: 6cm x 15cm
16	Băng cuộn 10cm x 5m	Cuộn	2.000	Kích thước 10cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
17	Băng cuộn 5cm x 5m	Cuộn	2.000	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. - Không có tinh bột hoặc Dextrin. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ trắng: 80% (± 10%). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
18	Băng dính lụa 5cm	Cuộn	1.000	Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl diithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - Tiêu chuẩn CE - EU - Kích thước 5cm x 5m
19	Băng dính dán mi	Cái	300	- Cấu tạo: màng PU film (polyurethane film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phủ keo acrylic, không gây kích ứng da); lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính, màng PET có đường S-line. - Màng PU bán thấm, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m2.24h. - Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 100mm x 100mm.
20	Gạc cầm máu mũi	Cái	50	Miếng cầm máu mũi loại tiêu chuẩn, có dây Hình dạng thuôn dài, nén mỏng màu trắng, làm từ xốp PVA (chất liệu Polyvinyl alcohol), các cạnh được bo tròn, mềm mại, ít gây ma sát và kích ứng mũi, các lỗ có kích thước siêu nhỏ và đồng nhất để hạn chế sự bầm dính mô, cho phép giãn nở khi ngâm trong dung dịch lỏng để tạo nên một cấu trúc mềm, xốp Kích thước (dài x rộng x cao): 80 mm x 20 mm x 15 mm Hiệu quả cầm máu nhanh, thấm hút tốt. Dây làm bằng chỉ không tiêu Giấy chứng nhận ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 Tiệt trùng: Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80)
21	Gạc củ ấu vô trùng	Cái	2.000	- Chất liệu 100% cotton. - Độ ẩm: ≤ 8% - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng ≥ 23g/m2 - Kích thước: 5cm x 5cm x 6 lớp
22	Gạc dẫn lưu	Cái	300	1.5 cm x 100 cm x 4 lớp. 1 cái/gói
23	Gạc hút	Mét	2.000	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE, GMP

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
24	Gạc phẫu thuật ổ bụng (40cm x 50 cm x 4 lớp) vô trùng	Miếng	2.000	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO. Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Quy cách: 40cm x 50cm x 4 lớp -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP; QCVN 01:2017/BCT
25	Gạc phẫu thuật (10 x 10cm x 12 lớp cân quang)	Cái	100	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5 g nước/1g gạc.
26	Gạc phẫu thuật (7,5 x 7,5cm x 6 lớp)	Cái	5.000	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≥ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: $\geq 5-6.5\%$. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng bằng khí EO Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP
27	Kẹp rốn	Cái	200	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014
Phần 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh				
28	Bộ dây truyền dịch kim hai cánh bướm	Bộ/túi	70.000	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
29	Bơm Cho Ăn 50ml	Cái	300	- Xy lanh dung tích 50 ml - Đạt tiêu chuẩn: FDA (Hoa Kỳ) - Xuất xứ: Việt Nam

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
30	Bơm tiêm 1ml	Cái	20.000	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
31	Bơm tiêm 10ml	Cái	100.000	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
32	Bơm tiêm 20ml	Cái	20.000	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
33	Bơm tiêm 5ml	Cái	250.000	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
34	Bơm tiêm 50ml	Cái	100	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
35	Kim cánh bướm	Cái	10.000	Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7
36	Kim châm cứu các số	Chiếc	350.000	Kim châm cứu vô trùng các số loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt.
37	Kim chọc dò tủy sống các số	Cái	200	Kim được làm từ thép không gỉ. Đầu kim Quincke 3 mặt vát Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy Cỡ 18G- 27G chiều dài kim 90mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CFS.

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
38	Kim đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP)	Cây	5	Kim đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CPV) loại 1 nòng Kim dẫn đường sắc bén. Dây kim loại hoặc tương đương dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa hoặc tương đương. Catheter làm bằng polyurethan hoặc tương đương đường kính khoảng 6F, chiều dài khoảng 20cm, kích cỡ nòng G14 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.
39	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	Cái	10.000	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Cathether Vật liệu FEP-Teflon. Có 4 đường cân quang ngầm. - Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm; 1.1mm x 33mm; 0.9mm x 25mm; 0.7mm x 19mm - Tốc độ chảy: 96ml/phút; 61ml/phút; 36ml/phút; 22ml/phút. - Đầu 3 mặt vát. 1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới. các cỡ 18G-24G
40	Kim lấy thuốc	Cái	100.000	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7
41	Khóa ba ngã có dây dẫn	Cái	1.500	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hờ, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014
42	Găng kiểm tra dùng trong y tế	Đôi	100.000	Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ S, M. - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột. Chống dính, không gây kích ứng da - Độ dày tối thiểu 1 lớp 0,08mm; Chiều dài 240mm.
43	Găng phẫu thuật tiệt trùng	Đôi	10.000	Sản xuất từ cao su thiên nhiên; Dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt trước khi lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V.
44	Casette máy mổ Phaco	Cái	10	Đảm bảo vô khuẩn - Hệ thống rửa hút phù hợp với máy cắt dịch kính Megatron S4

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
45	Túi Đựng Nước Tiểu	Cái	200	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố
46	Túi đựng máu	Túi	5	Dung tích 250ml chứa máu toàn phần: Túi chứa 35mL dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC
Phần 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				
47	Canuyn ngáng lưỡi	Cái	20	Được làm bằng nhựa PVC y tế, không độc hại. Các cỡ > 03 cỡ. Tiệt trùng bằng khí EO.
48	Ống đặt nội khí quản tiêu chuẩn (có bóng) các cỡ	Cái	300	- Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. - Tiệt trùng bằng khí EO. Không chứa chất DHEP, đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; CE
49	Ống nội khí quản lò xo các số có bóng	Cái	100	+ Ống làm bằng chất liệu nhựa PVC, không chất DEHP + Bóng cuff với thể tích lớn, áp lực nhỏ + Ống với dây xoắn kim loại chạy dọc thân + Các cỡ từ 3.5 đến 8.5
50	Ống thông tiểu foley 1 nhánh, phủ silicone các số	Cái	100	Được sản xuất từ 100% vật liệu PVC không gây dị ứng da.
51	Ống thông tiểu foley 2 nhánh, phủ silicone các số	Cái	500	Số: 6fr, 8fr, 10fr, 12fr, 14fr, 16fr, 18fr, 20fr, 22fr, 24fr, 26fr, 28fr, 30fr Sản phẩm được làm từ cao su y tế, phủ 100% silicone, lỗ murphy đối diện nhau dùng cho việc xả bóng, ống mềm, bề mặt ống trơn láng dễ luồn. Từ số 12fr đến số 30fr có dung tích bóng từ 10 - 30ml/cc, chiều dài dây 41cm. Từ số 06fr - 10fr có dung tích bóng 5-10ml/cc, chiều dài dây 28cm. Phễu thoát nước 4cm. chiều dài đầu ống tip 24mm. Bóng tròn đều, van mềm bơm bóng 1 chiều và được mã hóa màu cho từng số khác nhau. Thời gian lưu giữ trong cơ thể bệnh nhân tối đa 7 ngày. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. Đóng gói riêng lẻ từng cái bằng giấy thấm tách y tế. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. Hạn dùng: 5 năm
52	Bộ rửa dạ dày khép kín dùng một lần	Bộ	12	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín. Làm từ mũ cao su tự nhiên. Size: 28mm

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
53	Ống thông dạ dày	Cái	100	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
54	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	100	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9$ mm - Đường kính ngoài $\leq 1,9$mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9$ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
55	Dây nối bơm tiêm thuốc cân quang	Cái	1.000	Dây nối sử dụng trong bơm tiêm thuốc cân quang, có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≥ 3mm, đường kính ngoài ≥ 4.1 mm, có khóa bấm chặn dòng trong trường hợp khẩn cấp và ngăn máu trào ngược, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30, 75cm, 140, 150cm. Chịu áp lực ≥ 4 bar Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
56	Dây thở Oxy	Cái	1.500	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000mm, đường kính ngoài ≥ 5mm, lòng ống có khía chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài ≥ 500mm. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
57	Dây hút đờm nhớt	Cái	2.000	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 55cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: ASEAN

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
Phần 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
58	Chỉ tiêu tự nhiên số 1/0	Tép	120	- Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu tự nhiên đơn sợi, tan chậm, số 1, dài 75cm. Chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. - Kim tròn 1/2c dài 40mm, bằng thép không gỉ AISI 300 series (302) phủ silicon. - Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2, tỉ lệ 20:80. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.
59	Chỉ tiêu tự nhiên số 2/0	Tép	24	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín.
60	Chỉ nylon không tiêu số 10/0	Liếp	120	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 10/0, dài 30cm, kim Easyslide độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4Ra, phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn EU-MDR
61	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi số 5/0	Sợi	60	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyaminde 6 số 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm. Kim phủ silicone.
62	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi số 6/0	Sợi	60	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro bằng thép không gỉ phủ silicon
63	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 7/0	Sợi	60	Chỉ tự tiêu được tổng hợp từ Polyglactin. Chiều dài chỉ 30cm. Cỡ chỉ 7/0
64	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0	Tép	660	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.
65	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 3/0	Tép	1.500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.
66	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0	Tép	1.500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.
67	Chỉ thép các cỡ	Cuộn	10	Chỉ thép, các cỡ. Chất liệu thép không gỉ.
68	Chỉ polypropylen không tiêu số 2/0	Sợi	24	Chất liệu Polypropylene số 2/0 dài ≥90cm, 2 kim tròn đầu cắt, phủ silicon, dài 26mm, 1/2 vòng tròn. Độ bền kéo kim ≥ 2500MPa. Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)- ISO 13485 hoặc tương đương

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
69	Chỉ polypropylen không tiêu số 3/0	Sợi	360	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 26 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.9 kgf và lực tách kim chỉ 0.68 kgf. Tiệt trùng EO
70	Chỉ polypropylen không tiêu số 4/0	Sợi	120	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 20 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.5 kgf và lực tách kim chỉ 0.45 kgf. Tiệt trùng EO
71	Chỉ tiêu tổng hợp số 1/0	Sợi	120	Thành phần Polyglactine 910, Copolymer làm bằng 90% Glycolide và 10% L-lactide, dài 90cm, kim 1/2, kim tròn, vòng kim 40mm, kim phủ silicone, tiệt trùng EO, kim bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
72	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Sợi	240	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) được bao phủ bởi Poly (30% glycolide acid và 70% lactide acid) và calcium stearate, số 2-0, dài 75CM. Kim được làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26MM, kim ½, độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination; WHO-GMP
73	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Sợi	660	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (Glycolide-co lactide) được bao phủ bởi Poly (30% glycolide acid và 70% lactide acid) và calcium stearate, số 3-0, dài 75CM. Kim được làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26MM, kim 1/2, độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination; WHO-GMP
74	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Sợi	660	Thành phần Polyglactine 910, Copolymer làm bằng 90% Glycolide và 10% L-lactide, dài 75cm, kim 1/2, kim tròn, vòng kim 22mm, kim phủ silicone, tiệt trùng EO, kim bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
75	Chỉ tiêu tổng hợp số 6/0	Tép	24	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi được tổng hợp bởi Polyglactin. Chiều dài chỉ ≥ 45cm. Cỡ chỉ 6/0. Chỉ liên kim. Kim cong, bán kính cong 1/2 C. Đầu kim tròn
76	Lưỡi dao mổ các số	Cái	3.000	Đầu nhọn, bầu, thẳng, cong các số, chất liệu bằng thép không gỉ
77	Dao chọc tiền phòng 15 độ	Cái	50	Dao phẫu thuật nhân khoa sử dụng 1 lần. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ; Nắp: Polycarbonate. Công nghệ mài độc đáo, hai mặt vát, dao thẳng - Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tái tạo biểu bì - Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói - Độ sắc nét tốt để thâm nhập và rút ra một cách dễ dàng - Hiệu suất có thể dự đoán được tuyệt đối của các vết rạch giác mạc và củng mạc không thấm nước
78	Dao nạo mỏng và tạo vật củng mạc	Cái	30	Dao phẫu thuật nhân khoa sử dụng 1 lần. + Dao được trang bị nắp đậy an toàn. + Nguyên liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
79	Dao phẫu thuật nhân khoa	Cái	50	Dao phẫu thuật nhân khoa sử dụng 1 lần. + Vật liệu chính: Tay cầm: Polycarbonate; Lưỡi dao: Thép không gỉ. Nắp: Polycarbonate. Công nghệ mài độc đáo, hai mặt vát, gấp góc - Lưỡi dao siêu mỏng làm giảm đáng kể lực xuyên thấu và góp phần tái tạo biểu bì - Bề mặt mịn như satin cho hiệu ứng chống chói - Độ sắc nét tốt để thâm nhập và rút ra một cách dễ dàng - Hiệu suất có thể dự đoán được tuyệt đối của các vết rạch giác mạc và củng mạc không thấm nước - Tạo đường hầm giác mạc trong mổ Phaco
80	Tay dao điện	Cái	200	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG).
Phần 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo				
81	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, một mảnh	Cái	100	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, một mảnh
82	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, không ngâm nước, 2 càng lọc tia UV, lọc ánh sáng xanh màu (Lắp sẵn)	Cái	100	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu điểm, 1 mảnh - Chất liệu đồng nhất Acrylic Hydrophobic. - Không màu - Lọc tia cực tím (tia UV) - Thiết kế phi cầu; Chỉ số cầu sai (SA) của Optic: -0,16 μm - 2 càng; - Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 13,0mm. - Chỉ số khúc xạ: 1,548 - Kích thước vết mổ có thể đưa qua: 2,2mm. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge.; - Công suất: từ +6 D đến +30,0 D. - Có 2 FSC (FSC Đức, FSC Úc). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
Phần 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa				
83	Phim khô 20cmx25cm	Tờ	10.000	Là loại phim khô Laser kích thước 20x25 cm, tương thích với máy in Dryview. Hình ảnh đạt tối đa 650 ppi (pixels per inch) với máy in DryView 5950. Phim phủ nền dày 7-mil polyester.
84	Phim khô 25cmx30cm	Tờ	5.000	Là loại phim khô Laser kích thước 25x30 cm, tương thích với máy in Dryview Hình ảnh đạt tối đa 650 ppi (pixels per inch) với máy in DryView 5950 Phim phủ nền dày 7-mil polyester
85	Phim X Quang 20x25cm	Tờ	20.000	Kích thước 20x25cm - Mật độ quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền PET dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE
86	Phim X Quang 25x30cm	Tờ	8.000	Kích thước 25x30cm - Mật độ quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền PET dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
87	Phim chụp CT-Scanner	Tờ	500	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ - Phim có độ dày PET ≥ 170 micromet - Mật độ tối đa ≥ 3.3 Dùng cho Hệ thống CT Scanner 32 lát cắt/vòng quay, 16 dãy. Phù hợp với máy in phim khô có Model: DRYPIX 6000 (Drypix Smart); Hãng, nước sản xuất: FUJIFILM Imaging Systems (Suzhou) Co., Ltd/Trung Quốc
88	Chất nhầy phẫu thuật Phaco	Lọ	200	- Dịch nhầy phẫu thuật Hydroxypropyl Methylcellulose - Nồng độ: 2% w/v - Độ nhớt: 5250 - 8750 mPas - pH 6.8 - 7.6 - Dịch nhầy được đóng gói sẵn trong xi lanh 2.0ml - Kim hơi chuyên dùng kích thước 23G
89	Thuốc nhuộm bao	Lọ	50	- Thành phần: Trypan Blue Ophthalmic Solution 0.06% - Độ pH: 6,8-7,4 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.
90	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo	Cái	30	Dụng cụ khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo đường kính 31-33mm, có 32 ghim bằng titanium.
91	Gel bôi trơn	Tuýp	20	Gel bôi trơn merufa lube hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng
92	Lưới điều trị thoát vị, kích thước 6 x 11 cm	Miếng	10	- Lưới điều trị thoát vị được làm bằng chất liệu polypropylene - Cấu trúc lỗ mở lớn giúp tăng cường khả năng kết hợp tối đa - Cấu trúc thành mỏng với ít vật liệu để giảm khả năng tạo sẹo và giảm thiểu sự khó chịu của bệnh nhân. - Vật liệu polypropylene bền, chắc duy trì mức độ chắc chắn và tránh các vấn đề xảy ra với lưới tổng hợp - Cấu trúc lỗ mở trong suốt thuận tiện trong việc quan sát và kết hợp nhanh đối với cấu trúc mô nằm phía dưới
93	Đinh Kirschner các cỡ	Cái	50	Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6/2.0/2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.
Phần 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
94	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	Cuộn	5	Chiều dài: 55m, rộng 1,8cm. Dùng cho chỉ thị nhiệt ướt vạch chỉ thị đổi màu khi nhiệt độ tiệt khuẩn đạt 121-134°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
95	Túi camera	Gói	100	Túi camera được làm từ ống nylon. Không dính bụi bẩn, tạp chất, không rách thủng Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn, có độ dẻo dai. Sản phẩm vô trùng: được tiệt trùng bằng khí EO Gas Sản phẩm đóng trong bao bì giấy tiệt trùng chuyên dùng trong y tế.
96	Đầu côn xanh	Cái	5.000	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại
97	Đầu côn vàng	Cái	5.000	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại.
98	Đè lưới gỗ	Cái	3.000	Vật liệu: gỗ đã tiệt trùng; Đóng gói rời, mỗi cái đóng trong 1 bao bì. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO 13485; CE; FDA.
99	Điện cực dán dùng 1 lần trong đo điện tim	Cái	500	Kích thước 35mm x 41mm. Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC. Miếng dán: Dạng Foam.

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
100	Mặt nạ thở Oxy	Cái	200	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố
101	Mặt nạ thở oxy có túi	Cái	300	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khóa chống gấp - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
102	Mặt nạ xông khí dung	Bộ	1.000	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)
103	Lọc đo chức năng hô hấp	Cái	300	- Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp KOKO, lắp vào bộ cảm biến của máy đo chức năng hô hấp. - Filter lọc khuẩn được thiết kế có đầu ngậm. Người đo chức năng hô hấp có thể ngậm trực tiếp để thở. - Đường kính trong đầu cắm vào máy (I.D): 45.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy (O.D): 48.0 mm - Hiệu quả lọc khuẩn: 99,99% - Bộ lọc: Màng tinh điện PP - Các bộ lọc được thiết kế để ngăn chặn vi khuẩn/virus lây nhiễm chéo - Tiệt trùng bằng khí EO - Quy cách đóng gói: 100 cái/thùng; đóng gói từng cái riêng lẻ. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC
Phần 9: Vật tư nha khoa				
104	Vật liệu trám răng bít ống tùy Zinc Oxyde	Hộp	40	Vật liệu trám răng bít ống tùy Zinc Oxyde, L ₀ ≥ 110 g

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
105	Fuji IX	Lọ	40	Tăng cường phóng thích Fluoride - Độ trong mờ tuyệt vời giúp cải thiện thẩm mỹ - Tăng cường tái khoáng hóa từ bên trong - Đông cứng nhanh nhưng đủ thời gian làm việc của vật liệu - Đóng gói: 1 chai bột 15g/1 chai nước 8g (6.4ml)
106	Fuji VII	Lọ	40	Là loại vật liệu Glass Ionomer phóng thích fluoride mạnh được phát triển để bảo vệ những bề mặt có nguy cơ sâu răng cao. Hộp/15g+8ml
107	Chất hàn ống tủy Cortisomol	Hộp	8	Là paste không thấu xạ, không tái hấp thụ dùng để bít ống tủy, chứa thành phần không ảnh hưởng đến mô, không gây sưng, có tính sát trùng và diệt khuẩn, trám và bít vĩnh viễn ống tủy.
108	Diệt tủy	Lọ	12	Dùng diệt tủy trong nha khoa
109	Gel bôi trơn ống tủy	Tuýp	16	Tuýp 7 gam
110	Ceivitron (chất hàn tạm)	Hộp	10	An toàn với tủy răng và mô nướu. Tiết kiệm thời gian thao tác, nhanh đông, độ cứng phù hợp và dễ tháo gỡ.
111	Calcium Hydroxide	Hộp	6	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy, lý tưởng trong trám tủy tạm, che tủy, bảo vệ tủy, cách ly tủy trong trường hợp răng sâu nặng.
112	Dung dịch bơm rửa ống tủy NaOCl 3%	Chai	3	Dùng diệt khuẩn chứa NaOCl 3% Chai 480ml
113	Dung dịch Eugenol	Lọ	30	Được dùng với vật liệu trám răng. Dùng làm dịu cơn đau răng nhẹ và để tạo hợp chất giảm đau cho răng với oxide kẽm. Thành phần chính: Dầu Eugenol. Lọ ≥ 30 ml
114	Trâm gai lấy tủy các số	Vi	300	Chất liệu bằng thép không gỉ, dùng để lấy tủy răng, có các gai đàn hồi, cán cầm chắc chắn. Đóng gói vi 12 Cái
115	Vật liệu trám bít ống tủy răng (Côn chính gutta percha point Protaper) các số	Hộp	400	Cone chính Gutta Percha dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha theo kích thước của bộ sản phẩm Protaper, sử dụng nhanh chóng, chính xác Hộp 60 cái
116	H - File (Trâm tay nội nha) các số	Vi	120	Chất liệu thép không gỉ, cán nhựa, độ thuận 2%. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn Khả năng chống ăn mòn và độ bền cao. Dài 21mm, 25mm.
117	K - File (Trâm tay nội nha) số 08 # 21mm	Vi	50	Chất liệu thép không gỉ, độ thuận 2%. Trâm dũa K có những vòng xoắn nhỏ và được dùng để dũa các thành của ống tủy. làm rộng ống tủy. Số 08 # 21mm
118	K - File (Trâm tay nội nha) số 10 - 40 # 21mm	Vi	100	Chất liệu thép không gỉ, độ thuận 2%. Trâm dũa K có những vòng xoắn nhỏ và được dùng để dũa các thành của ống tủy. làm rộng ống tủy
119	K - File (Trâm tay nội nha) số 10 - 40 # 25mm	Vi	200	Chất liệu thép không gỉ, độ thuận 2%. Trâm dũa K có những vòng xoắn nhỏ và được dùng để dũa các thành của ống tủy. làm rộng ống tủy

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
120	Vật liệu composite đặc	Tuýp	7	- Composite đặc - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Composite đa năng, áp dụng được cho tất cả các xoang trám và phục hồi trực tiếp như inlays, onlays, khiếm khuyết men, phục hồi cạnh cắn răng cửa... - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO 75% - Dạng đặc, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
121	Vật liệu composite lỏng	Tuýp	11	- Composite lỏng - vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng. - Thành phần chính: hạt Hybrid NANO có độ bền cao, cứng chắc, nhiều màu - Tỷ lệ hạt Hybrid NANO > 65% - Dạng lỏng, màu A1; A2; A3; A3,5; A4 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
122	Etching	Tuýp	4	Thành phần 37% acid phosphoric. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
123	Bonding (keo dán của compsite)	Hộp	6	Dùng được trên men răng và ngà răng, đa năng, dễ sử dụng Ít gây ê buốt sau khi trám Kết nối chặt chẽ giữa răng và vật liệu trám Đảm bảo độ khít sát đồng nhất của miếng trám
124	Chổi quét Bond (Tăm bond)	Hộp	10	Đa dạng kích cỡ phù hợp với nhiều nhu cầu sử dụng. Đầu cọ nhỏ mịn, đều đặn, chắc chắn, không bị tưa mòn trong quá trình sử dụng. Đóng gói phù hợp tránh lây nhiễm chéo.
125	Que hàn composite chống dính	Cái	6	- Dùng để lấy mô ngà sâu, tủy răng và xi măng trám tạm Composite không dính, các cỡ. - Cây có 2 đầu, một đầu hướng về bên trái, một đầu hướng về bên phải. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
126	Lentulo số 25 chiều dài 21mm	Ví	50	Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy dùng để quay thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha, quay cement gắn chốt/cùi giả, cao su lỏng khi lấy dấu. - Chất liệu: thép không gỉ + Đường kính đầu tip: 0.25, 0.30, 0.35, 0.4mm + Chiều dài: 21mm, 25mm - Độ trơn 2% - Hiện thị màu tương ứng từ số nhỏ nhất tới số lớn nhất, phù hợp với kích cỡ đa dạng của ống tủy: 25-đỏ; 30- xanh dương, 35-xanh lá, 40- đen, - Hình dạng: lò xo - Quy cách đóng gói: 4 cái/hộp - Dùng cho tay khoan khuỷu,
127	Tách kẽ Matrix - Bands	Lá	100	Là một loại đai kim loại dùng trong nha khoa để tách kẽ răng trong quá trình niềng răng, hỗ trợ gắn khâu niềng hoặc tạo hình răng trám.
128	Côn giấy các số	Hộp	100	Size: 15 đến 80. Hộp/200 cây. Cone giấy có độ trơn tiêu chuẩn 2%. Cone giấy thấm hút nhanh, hiệu quả, cần thiết trong quá trình điều trị nội nha. Thấm hút hoàn toàn đến hết chiều dài ống tủy Trên thân cone có vạch thước đo giúp dễ xác định được chiều dài làm việc, với các chiều dài: 16mm, 18mm, 19mm, 20mm, 21mm, 24mm.

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
129	Lèn các số	Vi	5	Lèn ngang có tác dụng tạo áp lực và khoảng trống để lèn chặt cone vào trong ống tủy. Cán sản phẩm phân màu theo tiêu chuẩn ISO Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao Dễ vệ sinh trong quá trình sử dụng. Sản phẩm cần thiết cho quá trình trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Thép sợi Hard Fiber giúp bề mặt lưỡi cắt sắc bén, bóng loáng và ngăn chặn vết nứt vi kẽ."
130	Mũi lấy cao răng	Cái	15	Là một loại công cụ được sử dụng trong nha khoa để loại bỏ vôi và các cặn bám trên bề mặt răng. Nó có thể được sử dụng bằng tay hoặc được gắn vào máy cạo vôi, và được thiết kế để có thể thay thế khi cần thiết. Mũi thường được làm bằng thép không gỉ, và có nhiều hình dạng và kích thước khác nhau để phù hợp với các loại răng khác nhau và các vị trí trên răng
131	Ống hút nước bột	Cái	3.000	Ống hút nước bột sử dụng 1 lần. Nhựa PVC không độc hại. Có 2 màu: Trắng đục và trắng trong. Gói/100 cái. Kích thước: 6.5mm, dài: 140mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống.
132	Gương nha khoa	Cái	30	Khung viền bằng thép inox không gỉ, mặt gương sáng bóng
133	Cán gương nha khoa	Cái	30	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
134	Dầu tra tay khoan	Chai	3	Dùng bôi trơn cho các loại tay khoan, mô tơ
135	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, tương đương Mineral trioxide aggregate (MTA)	Hộp	5	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, dùng trong điều trị tủy răng giúp làm sạch và diệt khuẩn - Thành phần: Mineral trioxide aggregate (MTA), Hydroxyapatite - Dạng: bột và nước - Quy cách đóng gói: Hộp 4 gói bột (0.5g/1 gói) và 4 nhộng nước (0.5ml/nhộng) Tiêu chuẩn sản xuất ISO
136	Mũi khoan nha khoa	Vi	500	- Kim loại cơ bản: Thép không gỉ (bao gồm niken và crom) - Mũi khoan: Tinh thể kim cương gắn với kim loại cơ bản - Chuôi: Thép không gỉ
137	Sò đánh bóng	Cái	100	Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu - Thành phần: Flouride Ion ($\geq 1.23\%$) (dạng Natri Flouride trong hỗn hợp phốt phát), Purmice, Natri saccharine, Glycerine, sodium benzoate, hương liệu. - Trọng lượng: 2g/cái - Đóng gói: 200 cái/hộp
138	Chổi đánh bóng	Cái	100	Công dụng đánh bóng cao vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước, sợi mềm có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần.
Phần 10. Các loại vật tư y tế khác				
139	Bóng đèn Halogen 12V-20W	Cái	10	- Công suất: 12V-20W - Bóng đèn sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU480 - Điện áp: 12V - Công suất: 20W
140	Bóng đèn halogen 12V-50W	Cái	5	- Bóng đèn Halogen 12V-50W - Sử dụng cho máy sinh hiển vi khám mắt
141	Bóng đèn Halogen 15V-150W	Cái	10	Điện áp: 15V Công Suất: 150W Tuổi thọ: 50H, sử dụng cho máy nội soi tiêu hoá

STT	Tên vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
142	Cốc đựng đờm	Cái	1.000	Nguyên liệu: nhựa PP Màu sắc: trắng trong. Kích thước: Ø60mm x 35mm
143	Giấy in điện tim	Cuộn	500	Giấy điện tim 3 cần (sọc cam), giấy nhạy nhiệt đã được tráng phủ chất nhạy nhiệt và in một mặt, kích thước: 63mm x 30m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
144	Giấy in điện tim	Xấp	1.000	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm-200 tờ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE
145	Giấy in Monitor sản khoa	Xấp	10	152 mm x 90mm, ≥ 150 sheet (dùng được cho máy ANALOGIC USA3). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE
146	Giấy in siêu âm	Cuộn	500	Kích thước cuộn 110mm(w) * 20m * Mật độ quang học nền (O.D) Tối đa 0.08 * Mật độ cao (Dmax) 2,1 * Độ sáng tối thiểu 90% * Trọng lượng cơ bản: 68,4g/m2
147	Hộp an toàn đựng vật sắc nhọn	Hộp	100	Chi tiết như Bảng danh mục hàng hóa dự thầu và Bảng chào đáp ứng kỹ thuật đính kèm E-HSDT
148	Mũ phẫu thuật vô trùng	Cái	3.000	Thành phần: Gạc không dệt, không hút nước Sản phẩm được tiệt trùng
149	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách	Cái	50	Nhiệt kế nách là một loại nhiệt kế dùng để đo nhiệt độ cơ thể bằng cách kẹp vào vùng nách, là nhiệt kế thủy ngân
150	Ống nghiệm chứa Heparin Lithium	Ống	50.000	* Ống nghiệm nhựa PP độ pH trung tính, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml, nắp nhựa LDPE màu đen, có vạch lấy mẫu riêng biệt 2ml trên nhãn ống * Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 - 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn . * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. * Hạn dùng trong vòng 24 tháng kể từ ngày sản xuất * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
151	Ống nghiệm EDTA	Ống	100.000	Chất liệu ống Poly Propylen, chứa Ethylenediaminetetra Acid (EDTA). Kích thước 13mm x 75mm, có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
152	Ống nghiệm lấy máu nắp đỏ (không hóa chất)	Ống	2.000	Làm từ nhựa PP, có đóng nút, trên ống có nhãn. Kích thước ống: 12x75mm,
153	Túi rác thải y tế	Kg	20	Các màu: đen, xanh, vàng, trắng. Kích thước 80cm x 80cm hoặc kích thước: 70cm x 110cm, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Y tế
	Cộng: 153 khoản			